

Số: /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt công trình thủy điện Kà Tinh 2, tỉnh Quảng Ngãi của Công ty cổ phần thủy điện Trà Bồng và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần thủy điện Trà Bồng (có địa chỉ tại Thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: thủy điện Kà Tinh 2.
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: phát điện.
3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: sông Hà Doi, phụ lưu cấp 1 của sông Trà Bồng.
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:
 - Xã Trà Lâm, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.
 - Tọa độ (hệ tọa độ VN2000) các hạng mục chính của công trình:

TT	Hạng mục	Tọa độ	
		X	Y
1	Tuyến đập	1686725	548587
2	Nhà máy thủy điện	1688380	550935

5. Chế độ khai thác: hồ chứa công trình thủy điện Kà Tinh 2 hoạt động theo chế độ điều tiết ngày đêm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: công suất lắp máy là 5 MW, lưu lượng lớn nhất qua nhà máy thủy điện là 8,42 m³/s.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: công trình thủy điện Kà Tinh 2 là công trình thủy điện kiểu đường dẫn, tuyến đập được xây dựng trên sông Hà Doi. Nước từ hồ chứa được dẫn về nhà máy đặt bên bờ phải sông Trà Bồng để phát điện, nước sau khi phát điện được xả ra sông Trà Bồng tại vị trí cách điểm nhập lưu giữa sông Hà Doi và sông Trà Bồng khoảng 1,4 km về phía hạ lưu sông Trà Bồng; vị trí nhập lưu của sông Hà Doi vào sông Trà Bồng cách tuyến đập thủy điện Kà Tinh 2 khoảng 3,2 km về phía hạ lưu.

8. Thời hạn của Giấy phép là mười (10) năm.

Điều 2. Công ty cổ phần thủy điện Trà Bồng chỉ được phép khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Khi hồ chứa của công trình thủy điện Kà Tinh 2 được cơ quan có thẩm quyền cho phép tích nước theo quy định.

2. Thực hiện đúng các quy định của Quy trình vận hành hồ chứa được cơ quan có thẩm quyền ban hành; tuân thủ theo lệnh vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán thiếu nước và các trường hợp khẩn cấp khác.

3. Bảo đảm duy trì lưu lượng xả thường xuyên, liên tục sau đập công trình thủy điện Kà Tinh 2 không nhỏ hơn 0,33 m³/s. Khi có yêu cầu cấp nước gia tăng ở hạ du của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện vận hành công trình thủy điện Kà Tinh 2 xả nước về hạ du sông Hà Doi và sông Trà Bồng theo yêu cầu.

4. Trong quá trình tích nước hồ chứa hoặc gặp sự cố không thể vận hành, phải có giải pháp bảo đảm nguồn nước xả về hạ du và các nhu cầu sử dụng nước khác trên sông Hà Doi, sông Trà Bồng.

5. Xây dựng quy chế và phương án phối hợp vận hành với đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện Kà Tinh 1, các công trình khai thác, sử dụng nước khác ở hạ du sông Hà Doi, sông Trà Bồng và các địa phương ở khu vực thượng và hạ du trong việc bảo đảm an toàn công trình, điều tiết giảm lũ, dòng chảy tối thiểu, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định, bảo đảm không gây lũ, lụt, ngập úng nhân tạo và cung cấp, trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu vận hành của công trình thủy điện Kà Tinh 2.

6. Hoàn thành việc lắp đặt camera và các thiết bị quan trắc tự động để thực hiện việc quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến mực nước hồ, lưu lượng phát điện của nhà máy, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu và giám sát định kỳ lưu lượng xả qua tràn trước khi đưa công trình thủy điện Kà Tinh 2 đi vào hoạt động; kết nối, cập nhật số liệu quan trắc tại công trình vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

7. Bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; thực hiện quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác, sử dụng và việc xả dòng chảy tối thiểu hàng ngày, tháng, năm.

8. Bảo đảm vận hành công trình an toàn, có phương án để đối phó với tình huống vỡ đập, các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân; có trách nhiệm hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình.

9. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu đập và nhà máy trước khi vận hành xả lũ qua tràn hoặc bắt đầu vận hành xả nước qua phát điện.

10. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác, sử dụng nước của công trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

11. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng ở Trung ương, địa phương để có biện pháp xử lý.

12. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

13. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

14. Ngay sau khi công trình thủy điện Kà Tinh 2 đi vào vận hành, phải thông báo cho Cục Quản lý tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị có liên quan để theo dõi, giám sát.

15. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

16. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của công trình thủy điện Kà Tinh 2 và gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo quy định.

Điều 3. Công ty cổ phần thủy điện Trà Bồng được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/cáo);
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công Thương;
- Thanh tra Bộ TNMT;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi;
- Công ty Cổ phần thủy điện Trà Bồng (02);
- Lưu: VT, VPMC Bộ TNMT, Hồ sơ cấp phép (02), TNN (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành